

Số: 1144 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 13 tháng 4 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chuyển trụ sở làm việc cũ của Kho bạc Nhà nước Biên Hòa sang Sở Thông tin và Truyền thông để quản lý, sử dụng làm trụ sở làm việc

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Theo đề nghị Giám đốc Sở Tài chính tại Văn bản số 1672/STC-QLG&CS ngày 07/4/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận điều chuyển trụ sở làm việc cũ của Kho bạc Nhà nước Biên Hòa tại địa chỉ số 01, đường 30 tháng 4, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa sang Sở Thông tin và Truyền thông để quản lý, sử dụng làm trụ sở làm việc (đã được Bộ Tài chính chấp thuận chuyển giao cho địa phương quản lý, sử dụng tại Quyết định số 299/QĐ-BTC ngày 05/3/2020), cụ thể:

- Danh mục: Phụ lục chi tiết kèm theo.

- Giá trị theo sổ sách kế toán:

+ Về nhà: Nguyên giá là 6.515.566.267 đồng, giá trị còn lại đến ngày 31/12/2019 là 2.464.512.298 đồng.

+ Vật kiến trúc: Nguyên giá là 284.405.000 đồng, giá trị còn lại đến ngày 31/12/2019 là 28.081.700 đồng.

+ Các thiết bị gắn liền với nhà: Nguyên giá là 460.290.057 đồng, giá trị còn lại đến ngày 31/12/2019 là 38.066.235 đồng.

Điều 2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông, Kho bạc Nhà nước tỉnh và các đơn vị có liên quan tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản nêu tại Điều 1 Quyết định này theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch;
- Chánh - Phó Văn phòng;
- Lưu: VT, KTNS.



Nguyễn Quốc Hùng



DANH MỤC CHI TIẾT TÀI SẢN ĐIỀU CHUYỂN
Đính kèm Quyết định số 1144 /QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh



Trụ sở làm việc: Kho bạc Nhà nước Biên Hòa cũ
I- Về đất

- a) Địa chỉ: số 1, đường 30/4, phường Thanh Bình, TP. Biên Hòa, Đồng Nai.
b) Diện tích khuôn viên đất: 1.210,2 m²
c) Giá trị theo sổ sách kế toán: 13.312.200.000 đồng

II- Về nhà

ST T	Tài sản	Cấp hạng	Năm xây dựng	Ngày, tháng, năm sử dụng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)			Số tầng	DT xây dựng (m ²)	Tổng DT sản xây dựng (m ²)
					Nguyên giá (tính đến 31/12/2019)		Giá trị còn lại tính đến ngày 31/12/2019			
					Nguồn NS	Nguồn khác				
I	Nhà				-	6.516.566.267	2.464.512.298		609	1.558
1	Nhà làm việc	4	2006	2006		5.520.055.657	1.937.794.966	3	420	1.260
2	Nhà phụ trợ	4	2006	2006		716.780.000	357.154.748	2	109	218
3	Nhà bảo vệ	4	2006	2006		83.959.500	45.638.593	1	15.6	15.6
4	Nhà để xe máy	4	2006	2006		152.248.000	94.183.058	1	37.4	37.4
5	Nhà che máy bơm chữa cháy	4	2013	2013		11.033.110	5.919.265	1	7	7

ST T	Tài sản	Cấp hạng	Năm xây dựng	Ngày, tháng, năm sử dụng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)			Số tầng	DT xây dựng (m ²)	Tổng DT sản xây dựng (m ²)
					Nguyên giá (tính đến 31/12/2019)		Giá trị còn lại tính đến ngày 31/12/2019			
					Nguồn NS	Nguồn khác				
6	Nhà để xe ô tô	4	2016	2016		32.490.000	23.821.668	1	20	20
II	Vật kiến trúc					284.405.000	28.081.700			
1	Sân đường		2006	2006		55.000.000	19.250.000			
2	Tường rào và bồn hoa		2006	2006		203.101.000	8.831.700			
3	Đường dây hạ thế		2006	2006		26.304.000	-			
III	Các thiết bị gắn liền với nhà					460.290.057	38.066.235			
1	Hệ thống điều hòa không khí					143.211.357	6.719.375			
	Máy điều hòa Daikin 2.0 HP		2012	2012		17.144.050	-			
	Máy điều hòa Daikin 2.0 HP		2012	2012		17.144.050	-			
	Máy điều hòa Daikin 2.0 HP		2012	2012		17.455.000	2.181.875			
	Máy điều hòa Daikin		2012	2012		12.738.257	-			
	Máy điều hòa Daikin tủ đứng 5.0		2012	2012		54.900.000	-			
	Máy điều hòa Daikin 1.5 HP		2013	2013		11.730.000	-			



ST T	Tài sản	Cấp hạng	Năm xây dựng	Ngày, tháng, năm sử dụng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)			Số tầng	DT xây dựng (m ²)	Tổng DT sản xây dựng (m ²)
					Nguyên giá (tính đến 31/12/2019)		Giá trị còn lại tính đến ngày 31/12/2019			
					Nguồn NS	Nguồn khác				
	Máy điều hòa Mitsubishi Heavy		2015	2015		12.100.000	4.537.500			
2	Hệ thống chữa cháy, máy bơm chữa cháy					185.373.500	8.519.000			
	Hệ thống chữa cháy		2006	2006		87.517.000	-			
	Máy bơm chữa cháy		2006	2006		29.704.500	-			
	Máy bơm chữa cháy		2013	2013		68.152.000	8.519.000			
3	Hệ thống báo động, báo cháy		2006	2006		40.601.000	-			
4	Hệ thống camera quan sát					91.104.200	22.827.860			
	Hệ thống camera quan sát		2011	2011		56.718.200	1.336.610			
	Hệ thống camera quan sát		2017	2017		34.386.000	21.491.250			
	Cộng					7.261.261.324	2.530.660.233			